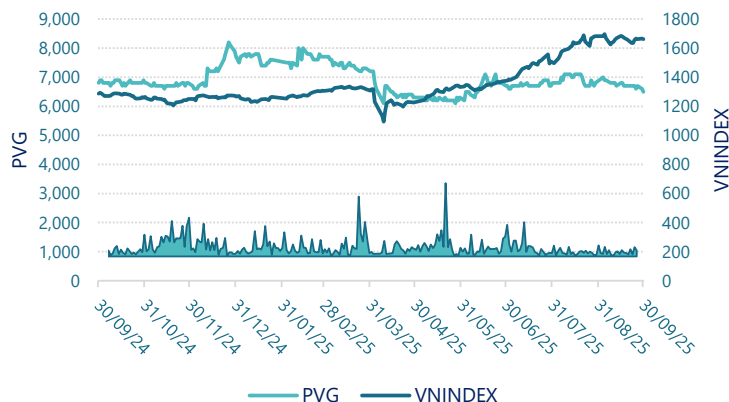




CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam (HNX: PVG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,100
SL cổ phiếu LH	39,998,522
KLGD BQ 20 phiên (CP)	48,370
% sở hữu nước ngoài	6.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	260
P/E	19.0
EPS	342

DT thuần

Q3/25

1,649

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 70.0 | 4.4%

YoY: ▲ 134 | 8.9%

LN sau thuế

Q3/25

2.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.30 | -9.4%

YoY: ▼ 2.38 | -45.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.3%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

9T 2025

4,677

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 743 | 18.9%

LN sau thuế

9T 2025

8.94

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.40 | 18.7%

ROE

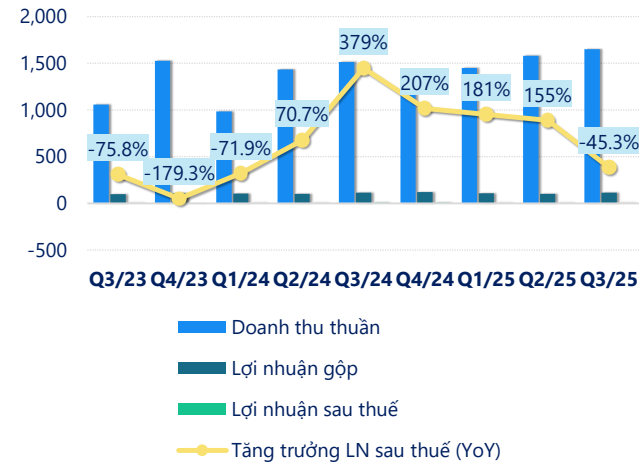
Q3/25

2.7%

+/- YoY: ▲ 2.1%

tỷ VNĐ

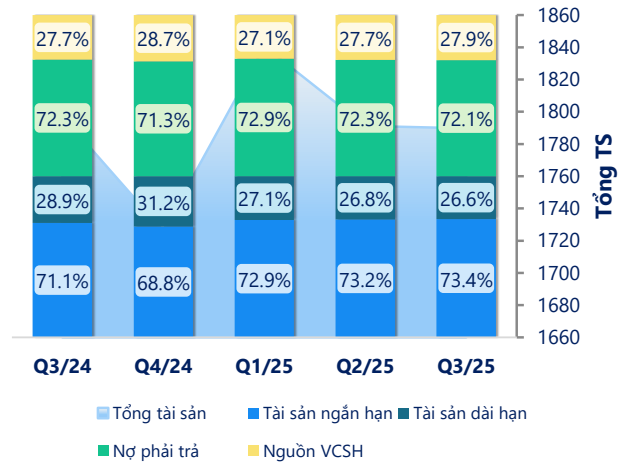
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

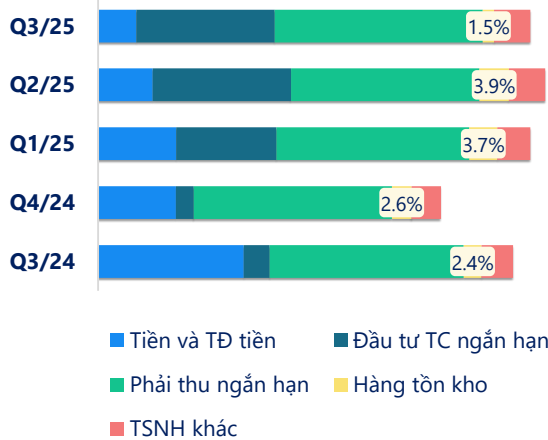
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



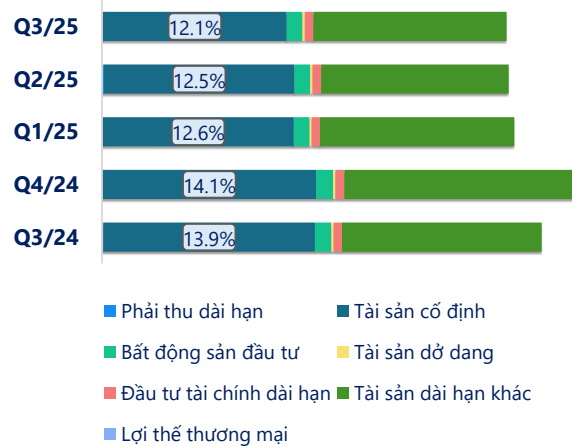
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

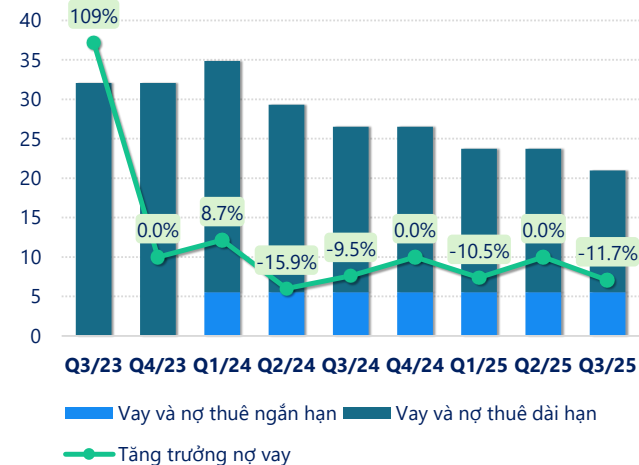
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

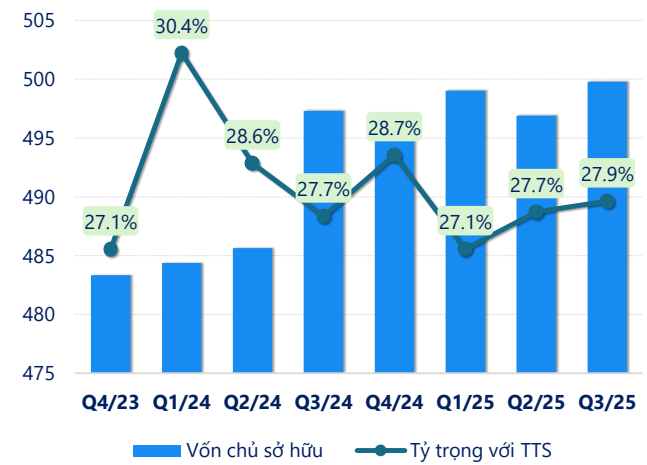
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

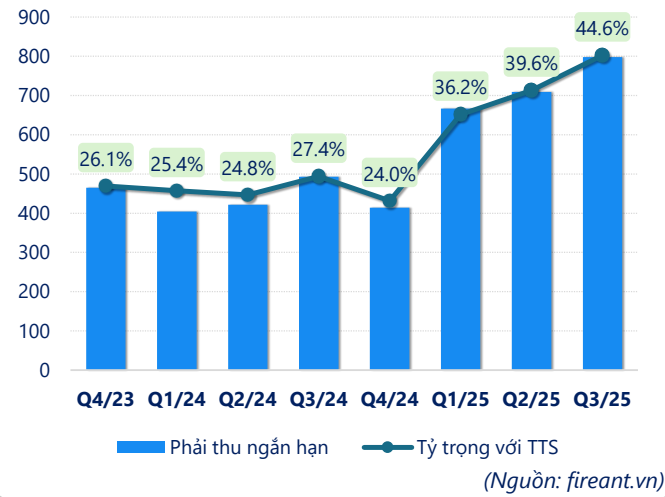
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

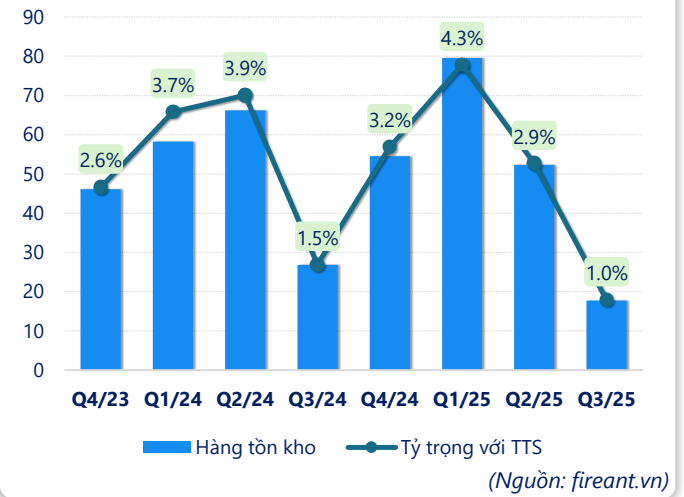


(Nguồn: fireant.vn)

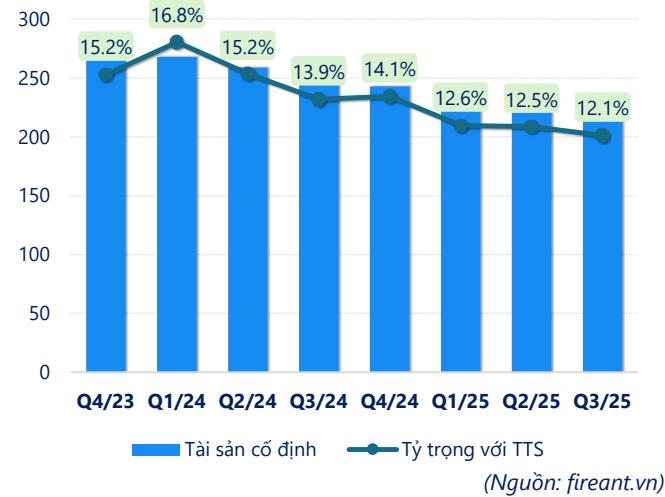
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


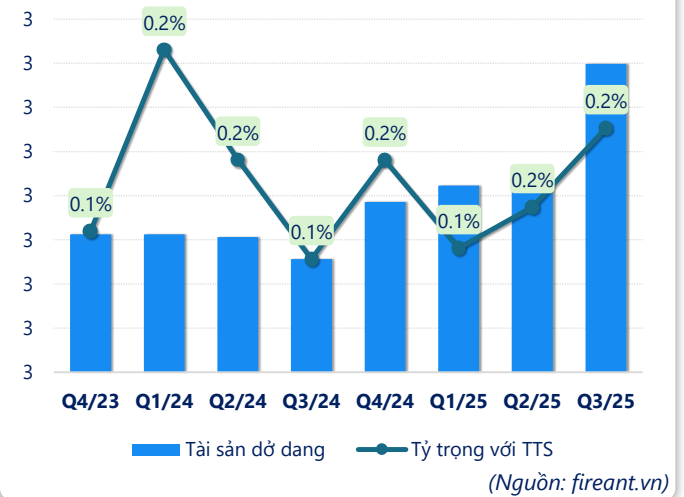
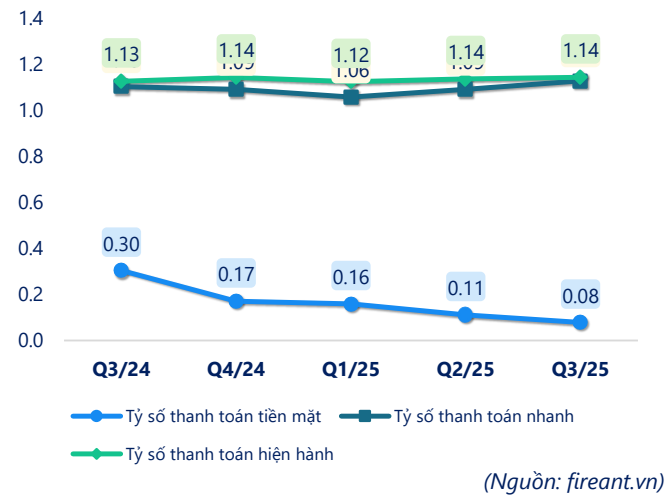
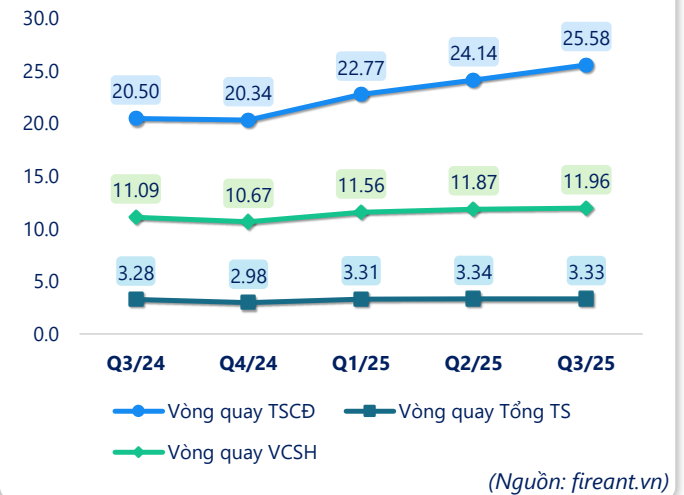
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,797	1,726	1,841	1,791	1,790
Tài sản ngắn hạn	1,277	1,187	1,341	1,312	1,313
Tiền và tương đương tiền	345	177	190	129	90.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	327	448	294	295	332
Phải thu ngắn hạn	493	414	666	709	798
Hàng tồn kho	26.9	54.5	79.6	52.4	17.8
Tài sản ngắn hạn khác	85.7	94.2	112	126	75.7
Tài sản dài hạn	520	539	499	480	476
Phải thu dài hạn	1.69	0.65	0.65	2.39	1.38
Tài sản cố định	250	243	232	224	216
Bất động sản đầu tư	19.5	19.3	19.1	18.9	18.6
Tài sản dở dang	2.63	2.69	2.71	2.71	2.85
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0
Tài sản dài hạn khác	236	264	235	221	228
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,300	1,231	1,342	1,294	1,290
Nợ ngắn hạn	1,133	1,038	1,192	1,153	1,148
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.56	5.56	5.56	5.56	5.56
Phải trả người bán ngắn hạn	1,095	999	1,143	1,095	1,091
Nợ dài hạn	167	193	149	141	142
Vay và nợ thuê dài hạn	21.0	21.0	18.2	18.2	15.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	497	496	499	497	500
Vốn chủ sở hữu	497	496	499	497	500
Vốn điều lệ	400	400	400	400	400
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)